CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 ***YEAH1 GROUP CORPORATION*** Số/No: 169 /2504/CBTT/CTHĐQT/YEG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness*** **------o0o------** Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2025 *Ho Chi Minh City, April 28, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND THE HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *Floor 7th, Galleria Office Building, 258 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/*Ms* Lê Phương Thảo
  Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố *Information disclosure type*	[x] Định kỳ *Periodic*	[ ] Bất thường *Irregular*	[ ] 24 giờ *24 hours*	[ ] Theo yêu cầu *On-demand*

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Ngày 28/4/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

On April 28, 2025, Yeah1 Group Corporation (the "Company") announced the following information:

- *The Company's separate Financial Statements for the first quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the separate Financial Statements for the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024.*
- *The Company's consolidated Financial Statements for the first quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on April 28*, 2025. Available at:* *http://yeah1group.com/investor-relations.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information this paper provides is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận:
Recipient:
+ Như trên;
+ As above;
+ Lưu VP;
+ Archived;

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304592171
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.28 17:44:34+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

yeah1

YEAH1 GROUP CORPORATION
No: 167/2025/YEG/CV

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, April 28, 2025

To: - State Securities Commission
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, Yeah1 Group Joint Stock Company ("Company") explains that the profit after corporate income tax ('NPAT') in the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for the 1st Quarter of 2025 has fluctuated by more than ten percent (10%) compared to the same period last year, as follows:

Difference in Separate and Consolidated Income Statements for the 1st Quarter of 2025 compared to the 1st Quarter of 2024:

Consolidated Income Statements for the 1st Quarter of 2025

Unit: VND

Indicators	Q1.2025 (1)	Q1.2024 (2)	Difference (3)=(1)-(2)	Changes %
Net Profit after taxes	23,252,971,598	12,006,444,191	11,246,527,407	93.67%

The Group's consolidated profit after corporate income tax in Q1 2025 increased by VND11,246,527,407, equivalent to a 93.67% rise, primarily driven by significant contributions from advertising activities, event organization, music shows, and popular entertainment content. These factors led to robust growth in both revenue and profit after tax for the Group in the first quarter.

Separate Income Statements for the 1st Quarter of 2025

Unit: VND

Indicators	Q1.2025 (1)	Q1.2024 (2)	Difference (3)=(1)-(2)
Net Profit after taxes	(145,438,100,700)	251,371,754	(145,689,472,454)

The parent company's profit after corporate income tax in Q1 2025 decreased by VND145,689,472,454 compared to the same period in 2024, mainly due to the recognition of financial expenses related to the divestment of a subsidiary in Q1 2025..

The full content of the Separate Financial Statements and the Consolidated Financial Statements for the 1st Quarter of 2025 has been posted on the Company's website: www.yeah1group.com

We commit that the information disclosed above is true and we are fully responsible before the law for the content of the information disclosed.

YEAH1 GROUP CORPORATION

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGO THI VAN HANH

T.A. Riêng

YEAH1 GROUP CORPORATION

SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE 3-MONTH PERIOD ENDED 31 MARCH 2025

M.S.D.N: 030 ... THÀNH

YEAH1 GROUP CORPORATION

SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE 3-MONTH PERIOD ENDED 31 MARCH 2025

TABLE OF CONTENTS **PAGE**

YEAH1 GROUP CORPORATION

CORPORATE INFORMATION

Enterprise registration certificate	No. 0304592171 dated 12 September 2006 was initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the latest 32th amendment dated 31 Mar 2025.	
Board of Directors	Ms. Le Phuong Thao	Chairman
	Mr. Nguyen Hoang Giang	Vice Chairman
	Ms. Ngo Thi Van Hanh	Member
	Mr. Dinh Hoai Nam	Member
	Mr. Kim Min Soo	Member (resigned on April 22, 2025)
	Mr. Dao Phuc Tri	Vice Chairman (resigned on May 6, 2024)
Supervisory Board	Mr. Nguyen Van Nam	Head
	Ms. Le Thi Bich Hang	Member (resigned on April 22, 2025)
	Mr. Vuong Ho Tri Dung	Member
	Ms. Le Thi Hoa	Member (appointed on April 22, 2025)
Board of Management	Ms. Ngo Thi Van Hanh	General Director
	Mr. Kim Min Soo	Deputy General Director (resigned on April 22, 2025)
	Mr. Che Doan Vien	Deputy General Director (resigned on March 20, 2025)
	Mr. Yam Kong Fatt	Deputy General Director
	Mr. Pham Minh Tien	Deputy General Director
Legal representative	Ms. Le Phuong Thao	Chairman
	Ms. Ngo Thi Van Hanh	General Director
Headquater	7th Floor, Galleria Building, 258 Nam Ky Khoi Nghia, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City	

YEAH1 GROUP CORPORATION

RESPONSIBILITY OF THE BOARD OF MANAGEMENT OF THE COMPANY IN RESPECT OF THE SEPERATE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management of Yeah1 Group Corporation ("the Company") is responsible for preparing the seperate financial statements of the Company which give a true and fair view of the seperate financial position of the Company as at 31 March 2025, and of the seperate results of its operations and its separate cash flows for the year then ended. In preparing these separate financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent; and
- prepare the separate financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the separate financial position of the Company and which enable separate financial statements to be prepared which comply with the basis of accounting set out in Note 2 to the separate financial statements. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud or errors.

APPROVAL OF THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

We hereby, approve the accompanying separate financial statements as set out on pages 3 to 44 which give a true and fair view of the separate financial position of the Company as at 31 March 2025, and of the separate results of its operations and its separate cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of separate financial statements.

On behalf of the Board of Managment

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngo Thi Van Hanh
General Director

Ho Chi Minh City, Vietnam,
April 28, 2025

Form B 01 – DN

SEPARATE BALANCE SHEET

			As at	
			31 Mar 2025	31 Dec 2024
Code	ASSETS	Note	VND	VND
100	**CURRENT ASSETS**		**840,473,462,216**	**674,524,693,229**
			-	-
110	**Cash**	**3**	**105,476,810,159**	**38,416,885,363**
111	Cash		63,476,810,159	38,337,088,258
112	Cash Equivalents		42,000,000,000	79,797,105
120	**Short-term investment**		**230,000,000**	**230,000,000**
123	Investments held to maturity		230,000,000	230,000,000
130	**Short-term receivables**		**717,035,638,948**	**634,528,068,391**
131	Short-term trade accounts receivable	5	96,387,315,944	105,247,391,505
132	Short-term prepayments to suppliers		268,535,024,861	222,600,021,803
135	Short-term lendings	7(a)	185,591,321,919	189,028,460,018
136	Other short-term receivables	8(a)	167,040,475,764	141,057,384,838
137	Provision for doubtful debts – short-term	9	(518,499,540)	(23,405,189,773)
140	**Inventories**		**16,829,282,725**	**501,439,034**
141	Inventories		16,829,282,725	501,439,034
150	**Other current assets**		**901,730,384**	**848,300,441**
151	Short-term prepaid expenses	10(a)	688,648,442	848,300,441
152	Deductible VAT		213,081,942	-

The notes on pages 8 to 44 are an integral part of these separate financial statements.

SEPARATE BALANCE SHEET (continued)

Code	ASSETS (continued)	Note	As at 31 Mar 2025 VND	As at 31 Dec 2024 VND
200	**LONG-TERM ASSETS**		**1,681,461,077,191**	**1,767,988,537,046**
210	**Long-term receivables**		**629,731,434,800**	**336,730,634,800**
211	Long-term trade accounts receivable		24,000,000,000	24,000,000,000
215	Long-term lendings	7(b)	14,615,000,000	9,615,000,000
216	Other long-term receivables	8(b)	591,116,434,800	303,115,634,800
220	**Fixed assets**		**148,041,784,948**	**138,753,744,671**
221	Tangible fixed assets	11(a)	312,726,335	276,194,779
222	Historical cost		964,548,862	903,492,862
223	Accumulated depreciation		(651,822,527)	(627,298,083)
227	Intangible fixed assets	11(b)	147,729,058,613	138,477,549,892
228	Historical cost		186,709,644,569	171,206,041,734
229	Accumulated amortisation		(38,980,585,956)	(32,728,491,842)
240	**Long-term assets in progress**		**-**	**10,523,422,222**
242	Construction in progress	12	-	10,523,422,222
250	**Long-term investments**		**881,980,786,302**	**1,259,233,352,576**
251	Investments in subsidiaries	4(a)	917,115,800,000	1,294,283,212,233
252	Investments in associates	4(b)	2,000,000,000	2,000,000,000
253	Investments in other entities	4(c)	17,715,625,000	17,715,625,000
254	Provision for long-term investments	4	(54,850,638,698)	(54,765,484,657)
260	**Other long-term assets**		**21,707,071,141**	**22,747,382,777**
261	Long-term prepaid expenses	10(b)	20,007,199,787	21,047,511,423
262	Deferred Tax Assets		1,699,871,354	1,699,871,354
270	**TOTAL ASSETS**		**2,521,934,539,407**	**2,442,513,230,275**

The notes on pages 8 to 44 are an integral part of these separate financial statements.

YEAH1 GROUP CORPORATION

Form B 01 – DN

SEPARATE BALANCE SHEET
(continued)

Code	RESOURCES	Note	As at 31 Mar 2025 VND	As at 31 Dec 2024 VND
300	**LIABILITIES**		**412,682,350,146**	**735,828,750,314**
310	**Short-term liabilities**		**398,211,396,303**	**705,564,960,707**
311	Short-term trade accounts payable	13	121,508,964,532	136,090,440,676
312	Short-term advances from customers	14	6,841,546,402	7,431,868,273
313	Tax and other payables to the State	15	8,373,631,678	7,449,487,609
314	Payable to employees		3,990,188,261	3,894,502,261
315	Short-term accrued expenses	16	4,509,282,471	16,159,534,249
318	Short-term unearned revenue		2,000,000,000	-
319	Other short-term payables	17	109,367,707,498	181,810,405,402
320	Short-term borrowings	18	141,620,075,461	352,728,722,237
330	**Long-term liabilities**		**14,470,953,843**	**30,263,789,607**
338	Long-term borrowings	18	14,470,953,843	30,263,789,607
400	**OWNERS' EQUITY**		**2,109,252,189,261**	**1,706,684,479,961**
410	**Capital and reserves**		**2,109,252,189,261**	**1,706,684,479,961**
411	Owners' capital	19	1,918,020,350,000	1,370,014,540,000
411a	*- Ordinary shares with voting rights*		1,918,020,350,000	1,370,014,540,000
412	Share premium		140,518,254	140,518,254
421	Undistributed earnings		191,091,321,007	336,529,421,707
421a	*- Undistributed post-tax profits of previous years*	20	336,529,421,707	313,310,291,758
421b	*- Post-tax profits/(loss) of current year*	20	(145,438,100,700)	23,219,129,949
440	**TOTAL RESOURCES**		**2,521,934,539,407**	**2,442,513,230,275**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P. - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Luu Anh Khoa	Nguyen Thi Khanh Trang	Ngo Thi Van Hanh
Preparer	Chief Accountant	General Director
		April 28, 2025

The notes on pages 8 to 44 are an integral part of these separate financial statements.

YEAH1 GROUP CORPORATION

Form B 02 – DN

SEPARATE INCOME STATEMENT

Code		Note	3-month period ended 31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
1	**Revenue from sales of goods and rendering of services**		**123,336,199,476**	**40,622,353,465**
2	Less deductions		-	-
10	**Net revenue from sales of goods and rendering of services**	**21**	**123,336,199,476**	**40,622,353,465**
11	Cost of goods sold and services rendered	22	(89,003,518,288)	(23,327,315,043)
20	**Gross profit from sales of goods and rendering of services**		**34,332,681,188**	**17,295,038,422**
21	Financial income	23	2,209,930,831	6,660,745,981
22	Financial expenses	24	(151,981,555,786)	(3,073,959,002)
23	*- Including: Interest expense*		*(7,412,851,413)*	*(3,073,959,002)*
25	Selling expenses		-	-
26	General and administration expenses	25	(29,853,013,107)	(21,091,288,194)
30	**Net operating profit/(loss)**		**(145,291,956,874)**	**(209,462,793)**
31	Other income		18,667	470,629,296
32	Other expenses		(146,162,493)	(9,794,749)
40	**Net other (expenses)/income**		**(146,143,826)**	**460,834,547**
50	**Net accounting profit/(loss) before tax**		**(145,438,100,700)**	**251,371,754**
51	Corporate income tax ("CIT") - current	26	-	-
52	CIT - deferred		-	-
60	**Net profit after tax**		**(145,438,100,700)**	**251,371,754**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Luu Anh Khoa
Preparer

Nguyen Thi Khanh Trang
Chief Accountant

Ngo Thi Van Hanh
General Director
April 28, 2025

The notes on pages 8 to 44 are an integral part of these separate financial statements..

YEAH1 GROUP CORPORATION

Form B 03 – DN

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)

Code		Note	3-month period ended 31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
	CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	**Net profit/(loss) before tax**		**(145,438,100,700)**	**251,371,754**
	Adjustments for:			
02	Depreciation and amortisation		6,276,618,558	41,426,040
03	Provisions		(317,500,095)	-
05	Profits from investing activities		(2,198,790,483)	(6,660,745,981)
06	Interest expense		7,412,851,413	3,073,959,002
08	**Operating loss before changes in working capital**		**(134,264,921,307)**	**(3,293,989,185)**
09	Decrease/(increase) in receivables		228,931,503,460	(73,108,801,404)
10	Decrease/(increase) in inventories		(16,327,843,691)	(6,427,281,081)
11	(Decrease)/increase in payables		(88,743,477,967)	48,470,413,080
12	Decrease in prepaid expenses		1,199,963,635	(882,282,242)
14	Interest paid		(13,914,291,074)	(1,108,796,759)
15	Corporate income tax paid		(1,000,000,000)	-
20	**Net cash flow from operating activities**		**(24,119,066,944)**	**(36,350,737,591)**
	CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchases of fixed assets and other long-term assets		(15,564,658,835)	-
23	Lendings and term deposits at bank over 3-months		(15,601,000,000)	(55,225,836,689)
24	Collection of lendings and term deposits at bank over 3-months		7,581,588,526	39,472,526,489
25	Investments in other entities		(211,000,000,000)	(4,092,000,000)
26	Proceeds from divestment in other entities	8(a)	4,000,000,000	6,000,000,000
27	Dividends and interest received		658,734,589	763,561,731
30	**Net cash inflows from investing activities**		**(229,925,335,720)**	**(13,081,748,469)**
	CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
31	Proceeds from re-issuing of treasury shares		548,005,810,000	-
33	Proceeds from borrowings		48,319,236,616	57,386,580,863
34	Repayments of borrowings		(275,220,719,156)	(11,913,808,874)
40	**Net cash inflows from financing activities**		**321,104,327,460**	**45,472,771,989**
50	**Net decrease in cash**		**67,059,924,796**	**(3,959,714,071)**
60	Cash at beginning of year	3	38,416,885,363	6,392,544,437
70	**Cash at end of year**	**3**	**105,476,810,159**	**2,432,830,366**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lưu Anh Khoa
Preparer

Nguyen Thi Khanh Trang
Chief Accountant

Ngo Thi Van Hanh
General Director
April 28, 2025

The notes on pages 8 to 44 are an integral part of these separate financial statements.

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE 3-MONTH PERIOD ENDED 31 MARCH 2025

1 GENERAL INFORMATION

Yeah1 Group Corporation ("the Company") was established in SR Vietnam pursuant to Enterprise registration certificate No. 0304592171 initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, dated 12 September 2006 and the 32[th] amended Enterprise registration certificate dated 23 Mar 2025.

The Company's shares were officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") on 26 June 2018 with the stock trading code YEG in accordance with Decision No. 212/QD-SGDHCM signed by the General Director of HOSE on 19 June 2018.

The principal activities of the Company include advertising; creativity, entertainment, and artistic production; producing movies, videos, and televised programmes; organising and promoting trade; back-stage activities; non-wireless telecommunication activities; and other telecommunication activities.

The normal business cycle of the Company is within 12 months.

As at 31 March 2025, the Company had 58 employees (as at 31 Dec 2024: 58 employees).

As at 31 March 2025, the Company had 10 direct subsidiaries and 10 indirect subsidiaries (As at 31 December 2023, the Company had 11 direct subsidiaries and 11 indirect subsidiaries) (Note 4)

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Basis of preparation of separate financial statements

The separate financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of separate financial statements. The separate financial statements have been prepared under the historical cost convention.

The accompanying separate financial statements are not intended to present the separate financial position and results of separate operations and separate cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam. The accounting principles and practices utilised in Vietnam may differ from those generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Separately, the Company has also prepared consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (together, "the Company") in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements. In the consolidated financial statements, subsidiary undertakings, which are those companies over which the Company has the power to govern the financial and operating policies, have been fully consolidated.

Users of these separate financial statements of the Company should read them together with the consolidated financial statements of the Company for the 3-month period ended 31 December 2021 to obtain full information of the consolidated financial position and consolidated results of operations and consolidated cash flows of the Company.

The separate financial statements in the Vietnamese language are the official statutory separate financial statements of the Company. The separate financial statements in the English language have been translated from the Vietnamese version.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.2 Fiscal year

The Company's fiscal year is from 1 January to 31 December.

2.3 Currency

The separate financial statements are measured and presented in Vietnamese Dong ("VND" or "Dong"), which is the Company's accounting currency.

2.4 Exchange rates

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates prevailing at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the separate income statement.

Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the separate balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the separate balance sheet date of the commercial banks with which the Company regularly trades. Foreign currencies deposited in banks at the separate balance sheet date are translated at the buying exchange rate of the commercial banks where the Company opens its foreign currency accounts. Foreign exchange differences arising from these translations are recognised in the separate income statement.

2.5 Cash

Cash comprises of cash on hand and cash at bank.

2.6 Receivables

Receivables represent trade receivables from customers arising from sales of goods and rendering of services or non-trade receivables from others and are stated at cost. Provision for doubtful debts is made for each outstanding amount based on overdue days in payment according to the initial payment commitment (exclusive of the payment rescheduling between parties) or based on the estimated loss that may arise. Bad debts are written off when identified.

Receivables are classified into long-term and short-term receivables on the separate balance sheet based on the remaining period from the separate balance sheet date to the maturity date.

2.7 Investments

(a) Investments in subsidiaries

Subsidiaries are all entities whose financial and operating policies the Company has the power to govern in order to gain future benefits from their activities, generally accompanying a shareholding of more than one half of the voting rights. The existence and effect of potential voting rights that are currently exercisable or convertible are considered when assessing whether the Company controls another entity.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.7 Investments (continued)

(a) Investments in subsidiaries (continued)

Investments in subsidiaries are initially recorded at cost of acquisition plus other expenditure directly attributable to the investment. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

(b) Investment in other entities

Investments in other entities are investments in equity instruments of other entities without controlling rights or co-controlling rights, or without significant influence over the investee. These investments are initially recorded at cost. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

(c) Provision for investments in subsidiaries and other entities

Provision for investments in subsidiaries and other entities is made when there is a diminution in value of the investments at the year end.

Provision for investments in subsidiaries is calculated based on the loss of investees, except when the loss is anticipated by the Board of Management before the date of investment. Provision for investments in other entities is calculated based on market value if market value can be determined reliably. If market value cannot be determined reliably, the provision is calculated similarly to provision for investments in subsidiaries.

Changes in the provision balance during the accounting year are recorded as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

2.8 Lendings

Lendings are lendings granted for the earning interest under agreements among parties but not for being traded as securities.

Lendings are initially recorded at cost. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding amounts to determine the amount of provision to recognise at the year end. Provision for doubtful lendings is made for each lending based on overdue days in payment of lending principals according to the initial payment commitment (exclusive of the payment rescheduling between parties) or based on the estimated loss that may arise.

Changes in the provision balance during the accounting year are recorded as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

Lendings are classified into short-term and long-term lendings on the separate balance sheet based on the remaining term of the lendings as at the separate balance sheet date.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.9 Fixed assets

Tangible and intangible fixed assets

Fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation or amortisation. Historical cost includes expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets bringing them to suitable conditions for their intended use. Expenditure which is incurred subsequently and has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of fixed assets, can be capitalised as an additional historical cost. Otherwise, such expenditure is charged to the separate income statement when incurred.

Depreciation and amortisation

Fixed assets are depreciated and amortised using the straight-line method so as to write off the historical cost of the fixed assets over their estimated useful lives. The principal annual rates of each asset class are as follows:

Machinery	10% – 20%/years
Motor vehicles	10% – 33%/years
Office equipment	33%/years
Brand names	2% – 10%/years

Land use rights comprise of land use rights acquired in a legitimate transfer.

Indefinite land use rights are stated at costs and not amortised.

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount and are recognised as income or expense in the separate income statement.

Construction in progress

Construction in progress represents the cost of assets in the course of installation or construction for production, rental or administrative purposes, or for purposes not yet determined, which are recorded at cost and are comprised of such necessary costs to construct, repair and maintain, upgrade, renew or equip the projects with technologies. Depreciation of these assets, on the same basis as other fixed assets, commences when they are ready for their intended use.

2.10 Leased assets

Leases where a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor are classified as operating leases. Payments made under operating leases are charged to the separate income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.11 Prepaid expenses

Prepaid expenses include short-term and long-term prepayments in the separate balance sheet. Prepaid expenses are recorded at historical cost and allocated on a straight-line basis over estimated useful lives.

2.12 Payables

Classifications of payables are based on their nature as follows:

- Trade accounts payable are trade payables arising from purchase of goods and services; and
- Other payables are non-trade payables and payables are not related to purchases of goods and services.

Payables are reclassified into short-term and long-term payables in the separate balance sheet based on the remaining period from the separate balance sheet date to the maturity date.

2.13 Borrowings

Borrowings include borrowings from related parties and individuals.

Borrowings are classified into short-term and long-term borrowings on the separate balance sheet based on their remaining terms from the separate balance sheet date to the maturity date.

Borrowing costs are recognised in the separate income statement when incurred.

2.14 Accrued expenses

Accrued expenses include liabilities for goods and services received in the period but not yet paid due to pending invoice or insufficient records and documents. Accrued expenses are recorded as expenses in the reporting period.

2.15 Provisions

Provisions are recognised when the Company has a present legal or constructive obligation as a result of past events; it is probable that an outflow of resources will be required to settle the obligation and the amount has been reliably estimated. Provision is not recognised for future operating losses.

Provisions are measured at the level of the expenditures expected to be required to settle the obligation. If the time value of money is material, provision will be measured at the present value using a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the obligation. The increase in the provision due to the passage of time is recognised as a financial expense. Changes in the provision balance during the accounting year are recorded as an increase or decrease in operating expenses.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.16 Capital and reserves

Owners' capital is recorded according to the actual amounts contributed at the par value of the shares.

Share premium is the difference between the par value and the issue price of shares and the difference between the repurchase price and re-issuing price of treasury shares.

Undistributed earnings/(accumulated losses) record the Company's results after CIT at the reporting date.

2.17 Appropriation of profit

The Company's dividend is recognised as a liability in the Company's separate financial statements in the year in which the dividends are approved by the Company's General Meeting of Shareholders.

Profit after CIT could be distributed to shareholders after approval at the General Meeting of Shareholders, and after appropriation to other funds in accordance with the Company's charter and Vietnamese regulations.

2.18 Revenue recognition

(a) Revenue from sales of goods

Revenue from sale of goods is recognised in the separate income statement when all five (5) following conditions are satisfied:

- The Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods.

Revenue is recognised in accordance with the "substance over form" principle and allocated to each sale obligation. If the Company gives promotional goods to customers associated with their purchases, the Company allocates the total considerations received between goods sold and promotional goods. The cost of promotional goods is recognised as cost of goods sold in the separate income statement.

(b) Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised in the separate income statement when the services are rendered, by reference to completion of the specific transaction assessed based upon the actual service provided as a proportion of the total services to be provided. Revenue from rendering of services is only recognised when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Revenue recognition (continued)

(b) Revenue from rendering of services (continued)

- The percentage of completion of the transaction at the separate balance sheet date can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

(c) Interest income

Interest income is recognised on an earned basis.

(d) Dividend income

Income from dividends is recognised when the Company has established the receiving right from investees.

2.19 Cost of goods sold services rendered

Cost of goods sold and services rendered are the cost of merchandises and services rendered during the period and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis.

2.20 Financial expenses

Financial expenses are expenses incurred in the year for financial activities including provision for diminution in value of investments and interest expense.

2.21 Selling expenses

Selling expenses represent expenses that are incurred in the process of selling goods and providing services.

2.22 General and administration expenses

General and administration expenses represent expenses that are incurred for administrative purposes of the Company.

2.23 Current and deferred CIT

CIT includes all CIT which is based on taxable profits. CIT expense comprises current CIT expense and deferred CIT expense.

Current CIT is the amount of income taxes payable or recoverable in respect of the current year taxable profits at the current year tax rates. Current and deferred CIT are recognised as an income or an expense and included in the profit or loss of the period, except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different year, directly in equity.

Deferred CIT is provided in full, using the liability method, on temporary differences arising between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts in the separate financial statements. Deferred CIT is not accounted for if it arises from initial recognition of an asset or liability in a transaction other than a business combination that at the time of occurrence affects neither the accounting nor the taxable profit or loss.

2 SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.23 Current and deferred CIT (continued)

Deferred CIT is determined at the tax rates that are expected to apply to the financial year when the asset is realised or the liability is settled, based on tax rates that have been enacted or substantively enacted by the separate balance sheet date.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

2.24 Related parties

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with the Company, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Company. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the Company, key management personnel, including the Board of Directors and the Board of Management of the Company, close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering its relationship with each related parties, the Company considers the substance of the relationship but not merely the legal form.

2.25 Critical accounting estimates

The preparation of the separate financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards and applicable regulations on preparation and presentation of the separate financial statements requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting year.

The areas involving significant estimates and assumptions are as follows:

- Provision in diminution in value of investments (Note 4);
- Provision for doubtful debts – short-term (Note 9)

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Cash at bank	63,476,810,159	38,337,088,258
Cash equivalents	42,000,000,000	79,797,105
TOTAL	**105,476,810,159**	**38,416,885,363**

4 FINANCIAL INVESTMENT

(a) Investment in subsidiaries

				31 Mar 2025				31 Dec 2024			
No.	Company	Registered office	Principal activities	Ownership and voting rights	Cost	Fair value	Provision	Ownership and voting rights	Cost	Fair value	Provision
				%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
	Direct subsidiary										
1	1Production Company Limited	Ho Chi Minh City	Motion picture, video and television programme production activities	100.00	350,000,000,000	(*)	-	100.00	139,000,000,000	(*)	-
2	Yeah1 Edigital Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Advertising, program production	69.55	255,844,800,000	(*)	-	69.55	255,844,800,000		-
3	Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Advertising, information technology services	69.00	203,319,000,000	(*)	-	69.00	203,319,000,000		-
4	Yeah1 Network Vietnam Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising, market research and public opinion polling	99.89	79,910,000,000	(*)	28,954,919,935	99.89	79,910,000,000	(*)	28,954,919,935
5	Yeah1 Up Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising, program production	92.00	23,000,000,000	(*)	15,286,052,381	92.00	23,000,000,000	(*)	15,286,052,381
6	1Brandlink Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising services	100.00	2,000,000,000	(*)	-	100.00	2,000,000,000	(*)	-
7	1Talents Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising services	100.00	2,000,000,000	(*)	179,891,566	100.00	2,000,000,000	(*)	179,891,566
8	1Label Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising services	100.00	1,020,000,000	(*)	-	100.00	1,020,000,000	(*)	-
9	Yeah1 Superstar Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Advertising services	50.98	12,000,000	(*)	-	50.98	12,000,000	(*)	-
10	Technology and Digital Transformation Center Company Limited	Ben Tre Province	Computer consulting and computer system administration	51.00	10,000,000	(*)	-	51.00	10,000,000	(*)	-
11	GIGA1 Trading Technology Joint Stock Company (i)	Ho Chi Minh City	Creative, artistic and recreational activities	-	-		-	99.99	588,167,412,233	(*)	-

4 FINANCIAL INVESTMENT(continued)

(a) Investment in subsidiaries(continued)

(*) As at 31 March 2025 and 31 Dec 2024, the Company has not determined the fair value of these investments to disclose on the consolidated financial statements because the shares of these companies have not been listed in the stock exchange. The fair value of such investments may be different from their book value.

(i) On July 12, 2024 and March 24, 2025, the Group's Board of Directors issued Resolution No. 820/2407/NQ/HĐQT/YEG and Resolution No. 84/2503/NQ/HĐQT/YEG, respectively, approving the divestment of the Group's entire equity interest in Giga1 Technology and Commerce Joint Stock Company, with the transaction scheduled to take place in the first quarter of 2025. As at March 31, 2025, the Group had completed the divestment, and Giga1 Technology and Commerce Joint Stock Company is no longer a subsidiary of the Group.

In addition, the Company has the following indirect subsidiaries:

No.	Company	Registered office	Principal activities	31 Mar 2025 Ownership	31 Mar 2025 Voting rights (%)	31 Dec 2024 Ownership	31 Dec 2024 Voting rights (%)
1	Digital Content Center Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising services	69.55	100.00	69.55	100.00
2	Ting Ting Network Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising, program production	69.55	100.00	69.55	100.00
3	Mango+ Entertainment and Media Company Limited	Ho Chi Minh City	Motion picture, video and television programme distribution activities	69.55	100.00	69.55	100.00
4	Yeah1 Publishing Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising services	64.86	94.00	64.86	94.00
5	Big Cat Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising, program production	55.64	80.00	55.64	80.00
6	TStudio Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Advertising, post-production	41.69	59.95	41.69	59.95
7	Vietnam Music Award Company Limited	Ho Chi Minh City	Advertising, program production	35.47	51.00	35.47	51.00
8	Netlink Online Pte. Ltd.	Singapore	Advertising, information technology services	35.18	100.00	35.18	100.00
9	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Islands	Advertising, information technology services	35.18	50.99	35.18	50.99
10	Web Publishing Corp	British Virgin Islands	Advertisement	17.63	50.10	-	-
11	Gigagoods Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Retail	-	-	50.99	51.00
12	Gigawin Distribution Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Advertising services	-	-	58.99	59.00

4 FINANCIAL INVESTMENT(continued)

(b) Investment in associates

No.	Name	As at 31 Mar 2025					As at 31 Dec 2024				
		Ownership %	Voting Right %	Cost VND	Fair Value VND	Provision VND	Ownership %	Voting Right %	Cost VND	Fair Value VND	Provision VND
1	Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	40.00	40.00	2,000,000,000	(*)	-	40.00	40.00	2,000,000,000	(*)	-
	TOTAL			**2,000,000,000**					**2,000,000,000**		

(*) As at 31 March 2025 and 31 Dec 2024, the Company has not determined the fair value of these investments to disclose on the consolidated financial statements because the shares of these companies have not been listed in the stock exchange. The fair value of such investments may be different from their book value.

4 FINANCIAL INVESTMENT(continued)

(c) Investing in other entities

No.	Name	Main activities	31 Mar 2025 Ownership %	Voting Right %	Cost VND	Fair Value VND	Provision VND	31 Dec 2024 Ownership %	Voting Right %	Cost VND	Fair Value VND	Provision VND
1	Gamify Vietnam Joint Stock Company	Providing electronic game services	15.00	15.00	1,858,000,000	(*)	1,858,000,000	15.00	15.00	1,858,000,000	(*)	1,858,000,000
2	Ads Group Vietnam Joint Stock Company	Information portal, information technology services, advertising	4.40	4.40	6,000,000,000	(*)	6,000,000,000	4.40	4.40	6,000,000,000	(*)	6,000,000,000
3	Shopiness Joint Stock Company	Data processing portal and related activities	10.00	10.00	1,757,625,000	(*)	1,757,625,000	10.00	10.00	1,757,625,000	(*)	1,757,625,000
4	1Game Joint Stock Company	Electronic games and entertainment services	18.00	18.00	8,100,000,000	(*)	814,149,816	18.00	18.00	8,100,000,000	(*)	728,995,775
	TOTAL				**17,715,625,000**		**10,429,774,816**			**17,715,625,000**		**10,344,620,775**

(*) As at 31 March 2025 and 31 Dec 2024, the Company has not determined the fair value of these investments to disclose on the consolidated financial statements because the shares of these companies have not been listed in the stock exchange. The fair value of such investments may be different from their book value.

5 SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	75,222,288,310	84,993,047,305
Global Trade Center Joint Stock Company	*19,885,800,000*	*23,835,800,000*
On+ Media Joint Stock Company	*8,335,000,000*	*10,982,000,000*
King Production Joint Stock Company	*9,860,950,000*	*9,549,100,000*
STV Media Group Joint Stock Company	*6,770,205,688*	*6,770,205,688*
Other	*30,370,332,622*	*33,855,941,617*
Related Parties (Note 28(b))	21,165,027,634	20,254,344,200
TOTAL	**96,387,315,944**	**105,247,391,505**
Other short-term receivables provision (Notes 9)	(404,123,634)	(1,798,983,363)
NET VALUE	**95,983,192,310**	**103,448,408,142**

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	268,535,024,861	217,663,828,234
Tera Group Joint Stock Company	*216,663,476,520*	*209,318,476,520*
HAND Entertainment and Events Joint Stock Company	*41,685,000,000*	-
King Production Joint Stock Company	*7,558,152,889*	*7,644,456,896*
Other	2,628,395,452	*700,894,818*
Related Parties (Note 28(b))	-	4,936,193,569
TOTAL	268,535,024,861	222,600,021,803

7 LOAN RECEIVABLE

(a) Short term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	159,807,321,919	166,873,460,018
Vital Investment Group Joint Stock Company	*114,106,821,919*	*114,106,821,919*
STV Media Group Joint Stock Company	*45,220,500,000*	*45,220,500,000*
Ontrending Media Joint Stock Company	-	*6,316,138,099*
Care Group Joint Stock Company	-	*930,000,000*
Win Media and Technology Joint Stock Company	-	*300,000,000*
Other organizations	*480,000,000*	-
Related Parties (Note 28(b))	25,784,000,000	22,155,000,000
TOTAL	**185,591,321,919**	**189,028,460,018**
Provision for short-term loan receivables (Notes 9)	-	(300,000,000)
NET VALUE	**185,591,321,919**	**188,728,460,018**

7 LOAN RECEIVABLE (continued)

(b) Long term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	9,090,000,000	9,090,000,000
Power Media Joint Stock Company	*9,090,000,000*	*9,090,000,000*
Related Parties (Note 28(b))	5,525,000,000	525,000,000
TOTAL	**14,615,000,000**	**9,615,000,000**

8 OTHER RECEIVABLES

(a) Short term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Receivables from transfer of shares	72,000,200,000	-
Collection on behalf receivables	59,768,393,194	71,533,733,685
Receivable from business cooperation contract	26,163,157,895	45,763,157,895
Dividends receivable	-	14,000,000,000
Interest receivable	6,511,763,523	6,118,412,043
Advance for employees	1,977,464,375	2,100,207,967
Deposit	498,922,450	1,228,922,450
Other	120,574,327	312,950,798
TOTAL	**167,040,475,764**	**141,057,384,838**
Other short-term receivables provision (Notes 9)	(114,375,906)	(21,306,206,410)
NET VALUE	**166,926,099,858**	**119,751,178,428**
In which:		
Third Parties	117,945,754,008	66,806,046,836
Related Parties (Note 28(b))	49,094,721,756	74,251,338,002

(b) Long term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Receivables from transfer of shares	288,000,800,000	-
Deposit	203,240,634,800	196,000,000,000
Receivable from business cooperation contract	99,875,000,000	99,875,000,000
Other	-	7,240,634,800
TOTAL	**591,116,434,800**	**303,115,634,800**

9 BAD DEBT

	31 Mar 2025			31 Dec 2024		
	Cost VND	Recoverable amount VND	Provision VND	Cost VND	Recoverable amount VND	Provision VND
Short-term trade receivables	**523,907,131**	**119,783,497**	**(404,123,634)**	**3,163,801,860**	**1,364,818,497**	**(1,798,983,363)**
One Communication Technology Corporation	523,907,131	119,783,497	(404,123,634)	523,907,131	119,783,497	(404,123,634)
Ontrending Media Joint Stock Company	-	-	-	2,490,070,000	1,245,035,000	(1,245,035,000)
Yeah1 Vision Company Limited	-	-	-	149,824,729	-	(149,824,729)
Advances to suppliers and other short-term receivables	**219,394,692**	**105,018,786**	**(114,375,906)**	**25,322,553,232**	**4,016,346,822**	**(21,306,206,410)**
Century Car and Service Co., Ltd.	84,000,000	42,000,000	(42,000,000)	84,000,000		(42,000,000)
Tan An Dong Saigon Company Limited	-	-	-	19,600,000,000	-	(19,600,000,000)
UP Development Joint Stock Company	-	-	-	1,000,000,000	300,000,000	(700,000,000)
Other	135,394,692	63,018,786	(72,375,906)	4,638,553,232	3,674,346,822	(964,206,410)
Short-term loan receivable	**-**	**-**	**-**	**300,000,000**	**-**	**(300,000,000)**
Win Media and Technology Joint Stock Company	-	-	-	300,000,000	-	(300,000,000)
TOTAL	**743,301,823**	**224,802,283**	**(518,499,540)**	**28,486,355,092**	**5,381,165,319**	**(23,405,189,773)**

10 PREPAID EXPENSES

(a) Short term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Prepaid service expenses	471,763,489	496,946,417
Tools and supplies	216,884,953	348,806,607
Other	-	2,547,417
TOTAL	**688,648,442**	**848,300,441**

(b) Long term

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Office renovation costs	17,227,805,617	17,712,654,760
Tools and supplies	1,507,878,041	1,625,361,958
Prepaid service expenses	-	23,873,753
Other	1,271,516,129	1,685,620,952
TOTAL	**20,007,199,787**	**21,047,511,423**

11 FIXED ASSETS

(a) Tangible fixed assets

	Machinery and equipment VND	Total VND
Cost		
As at January 1, 2025	903,492,862	**903,492,862**
Purchased during the period	61,056,000	**61,056,000**
As at March 31, 2025	964,548,862	**964,548,862**
Accumulated depreciation		
As at January 1, 2025	(627,298,083)	**(627,298,083)**
Depreciation during the period	(24,524,444)	**(24,524,444)**
As at March 31, 2025	(651,822,527)	**(651,822,527)**
Net carrying amount		
As at January 1, 2025	276,194,779	**276,194,779**
As at March 31, 2025	312,726,335	**312,726,335**

11 FIXED ASSETS (continued)

(b) Intangible fixed assets

	Trademarks, brand names	Software	Copyrights	Total
	VND	VND	VND	VND
Cost				
As at January 1, 2025	2,524,382,154	160,000,000	168,521,659,580	**171,206,041,734**
Purchased during the period	-	-	15,503,602,835	**15,503,602,835**
As at March 31, 2025	2,524,382,154	160,000,000	184,025,262,415	**186,709,644,569**
Accumulated depreciation				
As at January 1, 2025	(827,465,028)	(45,333,339)	(31,855,693,475)	**(32,728,491,842)**
Depreciation during the period	(9,429,478)	(5,333,334)	(6,237,331,302)	**(6,252,094,114)**
As at March 31, 2025	(836,894,506)	(50,666,673)	(38,093,024,777)	**(38,980,585,956)**
Net carrying amount				
As at January 1, 2025	1,696,917,126	114,666,661	136,665,966,105	**138,477,549,892**
As at March 31, 2025	1,687,487,648	109,333,327	145,932,237,638	**147,729,058,613**

12 CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Short film program in production	-	5,523,422,222
DMS distribution management software implementation project	-	5,000,000,000
TOTAL	**-**	**10,523,422,222**

13 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS PAYABLE

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	22,964,689,299	21,835,170,160
STVProduction Company Limited	*17,523,400,002*	*18,023,400,002*
Other	*5,441,289,297*	*3,811,770,158*
Related Parties (Note 28(b))	98,544,275,233	114,255,270,516
TOTAL	**121,508,964,532**	**136,090,440,676**

As at 31 March 2025 and 31 Dec 2024, there was no balance of short-term trade payable that was doubtful.

14 SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Third Parties	6,841,546,402	5,021,658,180
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	*2,807,256,000*	*5,021,658,180*
Other	*4,034,290,402*	-
Related Parties (Note 28(b))	-	2,410,210,093
TOTAL	**6,841,546,402**	**7,431,868,273**

15 TAXES AND RECEIVABLES/PAYABLES TO THE STATE

Movements in taxes and other receivables from/payables to the State are as follows:

		As at 01 Jan 2025 VND	Increase in period VND	Decrease in period VND	As at 31 Mar 2025 VND
(a)	**Receivables**				
	Deductible VAT	-	11,289,906,533	(11,076,824,591)	**213,081,942**
	TOTAL	**-**	**11,289,906,533**	**(11,076,824,591)**	**213,081,942**
		-			-
(b)	**Must Pay**				
	Corporate income tax	4,377,636,288	-	(1,000,000,000)	**3,377,636,288**
	VAT	1,428,946,752	12,152,585,504	(13,581,522,625)	**9,631**
	Personal income tax	1,064,919,817	5,066,362,123	(1,860,391,857)	**4,270,890,083**
	Other taxes	577,984,752	568,994,888	(421,883,964)	**725,095,676**
	TOTAL	**7,449,487,609**	**17,787,942,515**	**(16,863,798,446)**	**8,373,631,678**

16 SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Consulting and copyright service fees	3,693,360,000	6,750,000,000
Audit costs	462,000,000	462,000,000
13th month salary	316,798,500	2,356,713,500
Program production costs	-	6,587,535,544
Other	37,123,971	3,285,205
TOTAL	**4,509,282,471**	**16,159,534,249**
In which:		
Third Parties	4,494,081,924	16,156,249,044
Related Parties (Note 28(b))	15,200,547	3,285,205

17 OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Payment on behalf payables	49,041,975,410	43,796,097,986
Capital contribution received from BCC contract	31,500,000,000	31,500,000,000
Interest	3,732,881,839	11,156,245,804
Insurance payables	533,410,596	854,042,816
Payable due to transfer of shares	-	89,800,020,000
Other	24,559,439,653	4,703,998,796
TOTAL	**109,367,707,498**	**181,810,405,402**
In which:		
Third Parties	58,659,281,784	137,072,172,756
Related Parties (Note 28(b))	50,708,425,714	44,738,232,646

As at 31 March 2025 and 31 Dec 2024, there was no balance of short-term other payable that was doubtful.

18 DRAWDOWN OF LOANS

(a) Short term

	As at 01 Jan 2025	Increase	Decrease	As at 31 Mar 2025	Interest Rate	Principal repayment term
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bank loan	**92,309,572,237**	**38,689,236,616**	**(33,778,733,392)**	**97,220,075,461**		
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	*92,309,572,237*	*38,689,236,616*	*(33,778,733,392)*	*97,220,075,461*	*8.2%*	*December 31, 2025*
Third parties loans	**238,444,150,000**	**1,000,000,000**	**(234,369,150,000)**	**5,075,000,000**		
Ms. Nguyen Thi Khanh Hoa	*10,189,000,000*	*1,000,000,000*	*(6,889,000,000)*	*4,300,000,000*	*10.5%-11%*	*December 10, 2025*
Giga1 Trading Technology Joint Stock Company	*735,000,000*	-	-	*735,000,000*	*10.5%*	*December 20, 2025*
Ban Media Joint Stock Company	*40,000,000*			*40,000,000*	*10.5%*	*October 14, 2025*
Ms. Vu Thi Tuyet Van	*117,147,080,000*	-	*(117,147,080,000)*	-		
Mr. Vo Xuan Huy	*55,590,000,000*	-	*(55,590,000,000)*	-		
Ms. Nguyen Hai Tuong Vi	*54,743,070,000*	-	*(54,743,070,000)*	-		
Related parties loans	**21,975,000,000**	**18,600,000,000**	**(1,250,000,000)**	**39,325,000,000**		
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	*18,285,000,000*	*15,600,000,000*	-	*33,885,000,000*	*10.5%*	*From 07 Aug 2025 to 20 Dec 2025*
1Brandlink Company Limited	-	*2,000,000,000*	-	*2,000,000,000*		
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	*1,350,000,000*	-	*(250,000,000)*	*1,100,000,000*	*12.0%*	*June 13, 2025*
Vietnam Music Award Company Limited	*2,040,000,000*	-	*(1,000,000,000)*	*1,040,000,000*	*10.5%*	*May 17, 2025*
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	-	*1,000,000,000*	-	*1,000,000,000*	*10.5%*	*January 3, 2026*
TingTing Network Co., Ltd.	*300,000,000*	-	-	*300,000,000*	*10.5%*	*May 27, 2025*
TOTAL	**352,728,722,237**	**58,289,236,616**	**(269,397,883,392)**	**141,620,075,461**		

18 DRAWDOWN OF LOANS (continued)

(b) Long term

	As at 01 Jan 2025	Increase	Decrease	As at 31 Mar 2025	Interest Rate	Principal repayment term
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bank loan	**30,263,789,607**	**-**	**(17,292,835,764)**	**12,970,953,843**		
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	*30,263,789,607*		*(17,292,835,764)*	*12,970,953,843*	*11.0%*	*August 15, 2028*
Related parties loans	**-**	**1,500,000,000**	**-**	**1,500,000,000**		
1Label Joint Stock Company	*-*	*1,500,000,000*	*-*	*1,500,000,000*	*10.5%*	*From 16 Aug 2026 to 19 Aug 2026*
TOTAL	**30,263,789,607**	**1,500,000,000**	**(17,292,835,764)**	**14,470,953,843**		

19 OWNERS' EQUITY

(a) Number of shares

	31 Mar 2025 Ordinary shares	31 Dec 2024 Ordinary shares
Number of shares registered	191.802.035	137,001,454
Number of shares issued	191.802.035	137,001,454
Number of existing shares in circulation	191.802.035	137,001,454

(b) Details of owners' shareholding

	31 Mar 2025		31 Dec 2024	
	Ordinary shares	%	Ordinary shares	%
Ms. Le Phuong Thao	11,049,847	5.76	7,892,748	5.76
Other shareholders	180.752.188	94.24	129.108.706	94.24
TOTAL	**191.802.035**	**100.00**	**137,001,454**	**100.00**

(c) Movement of share capital

	Number of shares	Ordinary shares
As at January 1, 2024	131,353,264	131,353,264
Issuing shares to employees	5,648,190	5,648,190
As at December 31, 2024	137,001,454	137,001,454
Issuing shares to existing shareholders	54,800,581	54,800,581
As at March 31, 2025	191.802.035	191.802.035

Par value of shares: 10,000 VND per share

20 MOVEMENTS IN OWNERS' EQUITY

	Owners' capital VND	Share premium VND	Post-tax undistributed earnings VND	Total VND
As at January 1, 2024	1,313,532,640,000	140,518,254	369,792,191,759	**1,683,465,350,013**
Issuing shares to employees	56,481,900,000	-	(56,481,900,000)	**-**
Net profit for the year	-	-	23,219,129,948	**23,219,129,948**
As at December 31, 2024	1,370,014,540,000	140,518,254	336,529,421,707	**1,706,684,479,961**
Loss in period	-	-	(145,438,100,700)	**(145,438,100,700)**
Issuing shares to existing shareholders (*)	548,005,810,000	-	-	**548,005,810,000**
As at March 31, 2025	1,918,020,350,000	140,518,254	191,091,321,007	**2,109,252,189,261**

(*) On March 13, 2024, the State Securities Commission of Vietnam (SSC) acknowledged receipt of the Company's report on the results of its public offering of additional shares, pursuant to Report No. 58/2503/CV/YEG and Resolution No. 70/2503/NQ/HĐQT/YEG dated March 13, 2025 issued by the Board of Directors. On March 21, 2025, the Company was granted the 32nd amended Enterprise Registration Certificate by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, officially approving the increase in charter capital from VND 1,370,014,540,000 to VND 1,918,020,350,000.

21 NET REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Net revenue from Advertising and Communication consulting	100,371,651,892	12,088,919,900
Net revenue from Content copyright	9,004,777,214	28,517,622,656
Net revenue from Service provision and Retail	13,959,770,370	15,810,909
TOTAL	**123,336,199,476**	**40,622,353,465**

22 COST OF GOODS SOLD AND SERVICES PROVIDED

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Cost of Advertising and Communication consulting	76,966,213,037	16,335,330,878
Cost of Content copyright	7,037,305,251	6,991,984,165
Cost of Service provision and Retail	5,000,000,000	-
TOTAL	**89,003,518,288**	**23,327,315,043**

23 FINANCIAL INCOME

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Interest income from deposits and lending	2,198,790,483	6,660,745,981
Foreign exchange gains	11,140,348	-
TOTAL	**2,209,930,831**	**6,660,745,981**

24 FINANCIAL EXPENSES

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Record expenses from divesting subsidiaries	138,167,412,233	-
Interest expense	7,412,851,413	3,073,959,002
Provision, write off investments	6,401,292,140	-
TOTAL	**151,981,555,786**	**3,073,959,002**

25 GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Expenses for external services	12,014,957,457	10,624,035,474
Employee costs	9,217,858,452	10,415,866,680
Depreciation and amortization	45,371,880	41,426,040
Others	4,710,720	9,960,000
Provisions and write-offs	8,570,114,598	-
TOTAL	**29,853,013,107**	**21,091,288,194**

26 CORPORATE INCOME TAX

The corporate income tax amount on the Group's pre-tax accounting loss differs from the tax amount when calculated at the applicable tax rate of 20% as follows:

	3-month period ended	
	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
(Loss)/pre-tax accounting profit	(145,438,100,700)	251,371,754
Tax is calculated at a rate of 20% (*)	(29,087,620,140)	50,274,351
Adjust:		
Tax loss without recognition of deferred tax asset	26,034,667,891	-
Non-deductible expenses	3,052,952,249	1,958,950
Utilisation of tax losses	-	(52,233,301)
Corporate income tax expense (*)	-	-

(*) Corporate income tax expense for the 3-month period is estimated based on taxable income and may be adjusted depending on tax authorities.

27 COSTS OF OPERATION BY FACTOR

Costs of operation by factor represent all costs incurred during the year from the Company's operating activities, excluding cost of merchandises for trading activities. Details are as follows:

	3-month period ended	
	31 Mar 2024 VND	31 Mar 2024 VND
Expenses for external services	93,785,965,084	33,951,350,517
Employee costs	10,219,122,435	10,415,866,680
Provision and write-off	8,570,114,598	-
Depreciation and amortization	6,276,618,558	41,426,040
Other	4,710,720	9,960,000
TOTAL	**118,856,531,395**	**44,418,603,237**

28 RELATED PARTY DISCLOSURES

During the period, the Group had the following transactions and balances and transactions with related parties:

Ana Entertainment Joint Stock Company	Direct Subsidiary (until December 31, 2024)
Care Group Joint Stock Company	Direct subsidiary (until December 31, 2024)
Youth Embassy Film Production and Investment Corporation	Direct Subsidiary (until June 28, 2024)
1Production Company Limited	Direct subsidiary
Giga1 Trading Technology Joint Stock Company	Direct subsidiary (until March 24, 2025)
YAG Entertainment Joint Stock Company	Direct Subsidiary (until June 28, 2024)
AppNews Vietnam Joint Stock Company	Direct Subsidiary (until June 28, 2024)
Yeah1 Superstar Joint Stock Company	Direct subsidiary
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	Direct subsidiary
Technology and Digital Transformation Center Company Limited	Direct subsidiary
Yeah1 Up Company Limited	Direct subsidiary
1Talents Company Limited	Direct subsidiary
1Brandlink Company Limited	Direct subsidiary
1Label Joint Stock Company	Direct subsidiary
Yeah1 Publishing Joint Stock Company	Subsidiary of associate (until April 18, 2024) Indirect subsidiary (from April 19, 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Subsidiary of associate (until April 18, 2024) Indirect subsidiary (from April 19, 2024)
Netlink Online Pte Ltd	Indirect subsidiary (from October 22, 2024)
Web Publishing Corp.	Indirect subsidiary (from March 18, 2025)
Gigagoods Joint Stock Company	Indirect subsidiary (until March 24, 2025)
Gigawin Distribution Joint Stock Company	Indirect subsidiary (until March 24, 2025)
STV Group Multimedia Joint Stock Company	Direct subsidiary (until March 29, 2024)
STV Production Company Limited	Direct subsidiary (until March 15, 2024) Indirect subsidiary (until March 29, 2024)
Style TV Company Limited	Indirect subsidiary (until March 29, 2024)
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	Associate (until April 18, 2024) Direct subsidiary (from April 19, 2024)
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	Associate (until August 5, 2024) Direct subsidiary (from August 6, 2024)

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

Related parties	Relationship
STV Group Multimedia Joint Stock Company	Associate of subsidiary (until March 24, 2025)
Digital Content Center Company Limited	Associate (until August 5, 2024) Indirect subsidiary (from August 6, 2024)
Yeah1 Publishing Company Limited	Associate (until August 5, 2024) Indirect subsidiary (from August 6, 2024)
BigCat Company Limited	Associate (until August 5, 2024) Indirect subsidiary (from August 6, 2024)
Tstudio Joint Stock Company	Associate (until August 5, 2024) Indirect subsidiary (from August 6, 2024)
TingTing Network Co., Ltd.	Associate (until August 5, 2024) Indirect subsidiary (from August 6, 2024)
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	Associate
1Game Joint Stock Company	Other investments
Tera Group Joint Stock Company	Other investments of subsidiaries (until March 29, 2024)
Ms. Le Phuong Thao	Chairman of the Board of Directors ("BOD")
Mr. Dao Phuc Tri	Vice Chairman of Board of Directors (resigned on May 6, 2024)
Mr. Nguyen Hoang Giang	Vice Chairman of Board of Directors
Mr. Dinh Hoai Nam	Board Member
Mr. Kim Min Soo	Board Member Deputy General Manager (resigned April 22, 2025)
Ms. Ngo Thi Van Hanh	Board Member General Director
Mr. Che Doan Vien	Deputy General Manager (resigned on March 20, 2025)
Mr. Yam Kong Fatt	Deputy General Manager
Mr. Pham Minh Tien	Deputy General Manager (appointed May 6, 2024)
Mr. Nguyen Van Nam	Head of the Board of Supervisors ("BOS")
Ms. Le Thi Bich Hang	Board Member (resigned April 22, 2025)
Mr. Vuong Ho Tri Dung	Board Member
Mrs. Le Thi Hoa	Board Member (from April 22, 2025)
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	Individuals related to key personnel (until March 20, 2025)
Mr. Nguyen Hoang Linh	Individuals related to key personnel
SBS Securities Joint Stock Company	Companies where Individuals related to key personnel are members of the Board of Directors
Dandelion Advertising Joint Stock Company	Company where Individuals related to key personnel is the Director

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related parties transactions

Related parties	Business content	3-month period ended 31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Ana Entertainment Joint Stock Company	Rendering of services	-	9,090,909
	Interest	-	1,107,097,868
Care Group Joint Stock Company	Lending interest	-	24,345,618
Young Ambassador Film Investment and Production Joint Stock Company	Lending interest	-	68,752,388
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	Drawdown of lendings	15,600,000,000	3,400,000,000
	Interest	710.965.067	11,161,644
	Rendering of services	315,000,000	-
	Services purchase	49,814,814	-
	Interest collection	-	37,964,381
	Lending principal repayment	-	1,600,000,000
1Brandlink Company Limited	Drawdown of lendings	2,000,000,000	-
	Rendering of services	304,414,818	-
	Interest	12,082,192	-
	Contribute capital		
Yeah1 Publishing Company Limited	Rendering of services	56,700,000	-
GIGA1 Trading Technology Joint Stock Company	Interest	19,029,452	-
	Lending principal collection	-	3,930,000,000
	Lending interest	-	104,545,479
Yeah1 Up Company Limited	Lending	5,373,000,000	1,925,000,000
	Lending collection	4,829,000,000	-
	Lending interest	376,582,513	156,347,684
STV Media Group Joint Stock Company	Lending	-	19,152,000,000
	Lending principal collection	-	10,050,000,000
	Services purchase	-	2,210,809,524
	Rendering of services	-	1,611,198,657
	Lending interest	-	1,002,878,961
	Interest collection	-	663.152.526
1Talents Company Limited	Rendering of services	100,800,000	-
1Label Joint Stock Company	Rendering of services	4,359,645,004	-
	Drawdown of lendings	1,500,000,000	-
	Services purchase	332,097,092	-
	Interest	13,808,219	-

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related parties transactions (continued)

Related parties	Business content	3-month period ended 31 Mar 2025 VND	3-month period ended 31 Mar 2024 VND
1Production Company Limited	Contribute capital	211,000,000,000	-
	Program production services purchase	70.915.410.222	-
	Lending	5,000,000,000	310,000,000
	Rendering of services	1,329,300,000	-
	Lending interest	84,071,918	18,009,658
	Lending principal collection	-	1,795,000,000
	Interest collection	-	13,635,205
YAG Entertainment Joint Stock Company	Lending interest	-	374,747,194
AppNews Vietnam Joint Stock Company	Interest		
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	Rendering of services	4,907,212,795	4,411,059,739
	Lending principal repayment	4,780,000,000	600,000,000
	Drawdown of lendings	4,780,000,000	10,250,000,000
	Interest	19,250,959	274,632,942
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	Lending	4,085,000,000	-
	Lending interest	200,565,822	-
	Interest	-	36,476,712
	Lending principal repayment	-	1,150,000,000
	Interest payment	-	63,661,644
Digital Content Center Company Limited	Rendering of services	1,919,254,676	-
	Services purchase	1,370,119,010	-
	Lending collection	1,000,000,000	-
	Lending interest	42,575,342	-
	Interest	-	8,678,230
	Lending principal repayment	-	342,808,874
TingTing Network Co., Ltd.	Interest	7,767,123	10,413,698
	Drawdown of lendings	-	200,000,000
Big Cat Company Limited	Rendering of services	6,259,418,121	360,673,263
Tera Group Joint Stock Company	Lending	-	17,560,000,000
	Lending principal collection	-	9,050,000,000
	Rendering of services	-	2,216,523,810
	Lending interest	-	674,030,959

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related parties transactions (continued)

		3-month period ended	
Related parties	Business content	31 Mar 2025 VND	31 Mar 2024 VND
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	Providing digital content copyright	3,311,728,704	-
	Drawdown of lendings	1,000,000,000	-
	Interest	25,315,069	-
1Game Joint Stock Company	Lending	23,000,000	1,090,000,000
	Lending collection	23,000,000	-
	Rendering of services	18,900,000	-
	Lending interest	-	44,809,584
Vietnam Music Award Company Limited	Lending principal repayment	1,000,000,000	-
	Interest	49,076,711	-
Mr. Dao Phuc Tri	Advance collection	-	5,362,846,180
Ms. Le Phuong Thao	Receive capital contribution	31,570,990,000	-
	Advance	135,284,532	188.293.291
	Advance collection	160,312,459	126,348,251
Mr. Che Doan Vien	Receive capital contribution	27,334,900,000	-
	Advance	-	86,000,000
	Advance collection	-	40,000,000
	Contribute capital		
Ms. Ngo Thi Van Hanh	Receive capital contribution	9,833,320,000	-
	Advance	116,368,224	88,656,489
	Advance collection	135,265,882	41,892,306
Mr. Pham Minh Tien	Receive capital contribution	11,020,800,000	-
Ms. Nguyen Thi Khanh Trang	Receive capital contribution	202,200,000	-
Mr. Nguyen Van Nam	Receive capital contribution	120,480,000	-
Mr. Vuong Ho Tri Dung	Receive capital contribution	202,100,000	-
Mr. Nguyen Hoang Linh	Receive capital contribution	1,303,200,000	-

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related parties transactions (continued)

Expenses for key management personnel

Full name	Title	3-month period ended 31 Mar 2025 VND	3-month period ended 31 Mar 2024 VND
Board member remuneration			
Le Phuong Thao	Chairwoman	-	-
Dao Phuc Tri	Vice Chairman of BOD (resigned)	-	-
Nguyen Hoang Giang	Vice Chairman of BOD	-	-
Ngo Thi Van Hanh	Board Member	-	-
Dinh Hoai Nam	Board Member	-	-
Kim Min Soo	Board Member (resigned)	-	-
TOTAL		**-**	**-**
Salaries of the Board of Directors and other managers			
Ngo Thi Van Hanh	General Director	861,000,000	750,000,000
Che Doan Vien	Deputy General Manager (resigned)	471,131,000	354,435,900
Nguyen Thi Khanh Trang	Chief Accountant	276,483,000	272,643,000
Pham Minh Tien	Deputy General Manager	-	-
Yam Kong Fatt	Deputy General Manager	-	-
Kim Min Soo	Deputy General Manager (resigned)	-	-
TOTAL		**1,608,614,000**	**1,377,078,900**

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(b) Ending balance with related parties

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Short-term trade receivables (Notes 5)		
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	6,732,567,271	7,577,156,627
1Label Joint Stock Company	4,284,720,961	306,508,486
1Production Company Limited	3,354,435,322	2,224,200,000
Vietnam Music Award Company Limited	2,675,000,000	3,675,000,000
Big Cat Company Limited	1,541,262,055	820,798,565
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	1,375,786,575	1,029,286,575
1Talents Company Limited	581,680,000	470,800,000
Yeah1 Publishing Company Limited	307,670,000	245,300,000
1Brandlink Company Limited	291,060,000	-
1Game Joint Stock Company	20,790,000	-
Digital Content Center Company Limited	55,450	1,354,055,450
Youth Embassy Film Production and Investment Corporation	-	1,647,731,367
One Communication Technology Corporation	-	523,907,130
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.		379,600,000
TOTAL	**21,165,027,634**	**20,254,344,200**
Short-term loan receivable (Note 7(a))		
Yeah1 Up Company Limited	15,494,000,000	14,950,000,000
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	9,290,000,000	5,205,000,000
Digital Content Center Company Limited	1,000,000,000	2,000,000,000
TOTAL	**25,784,000,000**	**22,155,000,000**
Short-term prepayments to suppliers (Note 6)		
BigCat Company Limited	1,690,084,902	1,311,210,702
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	-	3,624,982,867
	1,690,084,902	**4,936,193,569**
Long-term loan receivable (Note 7(b))		
1Production Company Limited	5,525,000,000	525,000,000
TOTAL	**5,525,000,000**	**525,000,000**

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(b) Ending balance with related parties (continued)

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Other short-term receivables (Note 8(a))		
1Production Company Limited	34,177,144,758	38,647,772,581
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	14,097,011,230	20,991,338,967
Ms. Le Phuong Thao	318,942,030	343,969,957
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	238.247.876	37,682,054
Yeah1 Up Company Limited	131,823,241	104,088,899
Ms. Ngo Thi Van Hanh	77,254,677	96,152,335
Digital Content Center Company Limited	54,082,191	11,506,849
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	215,753	215,753
Giga1 Trading Technology Joint Stock Company	-	14,000,000,000
Youth Embassy Film Production and Investment Corporation	-	12,088,331
Mr. Che Doan Vien	-	6,522,276
TOTAL	**49,094,721,756**	**74,251,338,002**

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Short-term trade payables (Note 13)		
1Production Company Limited	81,810,040,000	94,912,380,000
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	12,581,405,279	14,441,405,279
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	3,113,176,774	-
1Talents Company Limited	692,400,000	692,400,000
1Label Joint Stock Company	260,853,180	217,779,797
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	86,400,000	86,400,000
Bo Cong Anh Advertising Joint Stock Company	-	3,463,232,581
Digital Content Center Company Limited	-	441,672,859
TOTAL	**98,544,275,233**	**114.255.270.516**

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Short-term advance from customers (Note 14)		
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	-	2,410,210,093
TOTAL	**-**	**2,410,210,093**

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Short-term accrued expenses (Note 16)		
Vietnam Music Award Company Limited	14,452,602	-
Digital Content Center Company Limited	747,945	747,945
Giga1 Trading Technology Joint Stock Company	-	2,537,260
TOTAL	**15,200,547**	**3,285,205**

28 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(b) Ending balance with related parties(continued)

	31 Mar 2025 VND	31 Dec 2024 VND
Other short-term payables (Notes)17)		
1Production Company Limited	48,744,138,698	43,406,437,274
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	1,463,248,347	752,283,280
1Label Joint Stock Company	316,310,959	302,502,740
TingTing Network Co., Ltd.	67,063,361	59,296,238
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	35,424,657	14,087,671
Yeah1 Edigital Joint Stock Company	27,766,317	8,515,358
1Talents Company Limited	27,098,628	27,098,628
1Brandlink Company Limited	12,945,206	863.014
Netlink Vietnam Technology Communication Joint Stock Company	7,899,792	7,899,792
Digital Content Center Company Limited	6,529,749	6,529,749
Vietnam Music Award Company Limited	-	151,165,477
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	-	1,553,425
TOTAL	**50,708,425,714**	**44,738,232,646**
Short-term loans (Note 18(a))		
Yeah1 Network Vietnam Company Limited	33,885,000,000	18,285,000,000
1Brandlink Company Limited	2,000,000,000	-
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	1,100,000,000	1,350,000,000
Vietnam Music Award Company Limited	1,040,000,000	2,040,000,000
Meta Blossom Vietnam Co., Ltd.	1,000,000,000	-
TingTing Network Co., Ltd.	300,000,000	300,000,000
Giga1 Trading Technology Joint Stock Company	-	735,000,000
TOTAL	**39,325,000,000**	**22,710,000,000**
Long-term loans (Note 18(b))		
1Label Joint Stock Company	1,500,000,000	-
TOTAL	**1,500,000,000**	**-**

YEAH1 GROUP CORPORATION

Form B 09 – DN

The Group's separate financial statements were approved by the Board of Management on April 28, 2025.

Luu Anh Khoa Preparer	Nguyen Thi Khanh Trang Chief Accountant	Ngo Thi Van Hanh General Director April 28, 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH